TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2024/DS-ST

Ngày 12-9-2024

V/v tranh chấp
hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Bùi Thị Hồng Ánh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Xuân Thương;

2. Ông Nguyễn Phùng Xuân Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Liên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và 12 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 14/2024/TLST-DS ngày 12-01-2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2024/QĐXXST-DS ngày 14-8-2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm T, sinh năm 1963 và bà Võ Thị T1, sinh năm 1962; cùng địa chỉ: Thôn T, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; ông T vắng mặt, bà T1 có mặt.

2. Bị đơn: Ông Phạm C, sinh năm 1965 và bà Đỗ Thị T2, sinh năm 1966; cùng địa chỉ: Thôn P, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; ông C vắng mặt, bà T2 có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Tại Đơn khởi kiện ngày 12-12-2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phạm T, bà Võ Thị T1 trình bày:

Ông Phạm T và ông Phạm C là anh em ruột; bà Võ Thị T1 là vợ ông Phạm T, bà Đỗ Thị T2 là vợ của ông Phạm Chín .

Tháng 6-2017 dương lịch, ông T, bà T1 có cho ông C, bà T2 vay số tiền 200.000.000 đồng, vì anh em ruột nên tin tưởng, không viết giấy vay mượn tiền. Tiền cho vay do ông T, bà T1 vay của ngân hàng. Tại thời điểm vay tiền có thỏa thuận không lập thành văn bản với lãi suất 3.000.000 đồng/tháng. Ông C, bà T2 đã trả tiền lãi được 30.000.000 đồng, sau đó không trả gốc lãi. Ông T, bà T1 yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông C, bà T2 trả số tiền gốc 200.000.000 đồng; rút yêu cầu khởi kiện về số tiền lãi 76.000.000 đồng.

2. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Phạm C, bà Đỗ Thị T2 trình bày:

Khoảng giữa năm 2017, ông C, bà T2 có vay tiền của ông T, bà T1 số tiền 200.000.000 đồng, nhưng không lập văn bản vì là anh em ruột nên tin tưởng. Tại thời điểm vay tiền có thỏa thuận bằng miệng với lãi suất 5.000.000 đồng/tháng.

Sau khi vay, hàng tháng ông C, bà T2 đã trả tiền lãi cho ông T, bà T1 được 111.500.000 đồng. Trong thời gian còn nợ tiền ông T, bà T1 thì ông Phạm Văn V (con trai của ông T, bà T1) và ông Nguyễn T3 (con rể của ông T, bà T1) có đi bạn cho tàu của ông C, bà T2; ông V, ông T3 có mượn ông C, bà T2 với tổng số tiền 43.000.000 đồng, nhưng không nhớ cụ thể mỗi người mượn bao nhiêu tiền, việc mượn tiền chỉ nói miệng, không viết giấy tờ gì cả. Sau đó giữa ông T, bà T1 và ông C, bà T2 có thỏa thuận trừ số tiền 43.000.000 đồng này vào số tiền mà ông C, bà T2 còn nợ ông T, bà T1. Việc thỏa thuận trừ số tiền 43.000.000 đồng này chỉ nói miệng, không lập văn bản và không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh.

Nay tại phiên tòa, ông T, bà T1 rút yêu cầu tiền lãi, bà T2 đồng ý trả nợ cho ông T, bà T1 tiền gốc 200.000.000 đồng; về số tiền 43.000.000 đồng mà con của ông T, bà T1 nợ ông C, bà T2 để bà tự thỏa thuận với gia đình ông T, bà T1.

3. Ý kiến của Kiểm sát viên:

[3.1] Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, tống đạt văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, thời gian gởi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, trình tự thủ tục phiên tòa; nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự.

[3.2] Về giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc ông Phạm C, bà Đỗ Thị T2 phải trả số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng cho ông Phạm T, bà Võ Thị T1; đình chỉ xét xử đối với số tiền lãi 76.000.000 đồng; ông Phạm C, bả Đỗ Thị T2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn ông T vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn ông C vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt ông T, ông C.

[1.2] Tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông T có ý kiến không yêu cầu ông C, bà T2 trả tiền lãi như đơn khởi kiện; tại phiên tòa, bà T1 rút yêu cầu khởi kiện đối với tiền lãi. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, Hội đồng xét xử chấp nhận, căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông T, bà T1 và ông C, bà T2 đều thống nhất về tình tiết ông C, bà T2 có vay của ông T, bà T1 số tiền 200.000.000 đồng. Căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không cần chứng minh.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T, bà T1: Ông C, bà T2 thừa nhận có vay của ông T, bà T1 số tiền 200.000.000 đồng vào giữa năm 2017, phù hợp với trình bày của ông T, bà T1 là cho vay vào tháng 6-2017; tại phiên tòa, bà T2 đồng ý trả cho ông T, bà T1 tiền gốc 200.000.000 đồng, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T, bà T1, buộc ông C, bà T2 có nghĩa vụ trả cho ông T, bà T1 số tiền gốc 200.000.000 đồng.

[2.3] Về án phí: Do Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T, bà T1 nên ông C, bà T2 phải chịu 10.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (cách tính: 200.000.000 đồng x 5%) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 92, 227, 228, 244, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 của

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm T, bà Võ Thị T1 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

2. Buộc ông Phạm C, bà Đỗ Thị T2 có nghĩa vụ trả cho ông Phạm T, bà Võ Thị T1 số tiền 200.000.000 đồng *(hai trăm triệu đồng).*

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm T, bà Võ Thị T1 đối với số tiền lãi 76.000.000 đồng *(bảy mươi sáu triệu đồng).*

5. Ông Phạm C, bà Đỗ Thị T2 phải chịu 10.000.000 đồng *(mười triệu đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

6. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng, Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CCTHADS TP Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Hồng Ánh